

# HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ sửa chữa vật liệu chịu lửa.

Gói thầu số: 285/ĐTRR/XMCP/ĐT/2025

Phát hành ngày: 21/10/2026

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Thái Hưng**

## **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Bên mời thầu (BMT) là Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả (Công ty), áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu dự thầu) mời nhà thầu tham gia đấu thầu rộng rãi gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ sửa chữa vật liệu chịu lửa.

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng Theo đơn giá cố định

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. trong đó tổng tiến độ thực hiện là 270 ngày cụ thể :

- Tiến độ sửa chữa lần 1 là: 18 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý I/2026).

- Tiến độ sửa chữa lần 2 là: 9 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý III/2026).

- Cộng thêm 30 ngày nghiệm thu.

### **Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu**

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)**

#### **1. Làm rõ HSMT**

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu **03 ngày làm việc** trước ngày đóng thầu để xem xét xử lý. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;

- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

## 2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chi dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

## Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

## Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);

3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);

4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;

5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;

6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

7. Các nội dung khác: Tài liệu về kỹ thuật của sản phẩm, tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh...

## Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và

ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

#### **Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **80 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

#### **Mục 9. Bảo đảm dự thầu**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: **séc, thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc nộp tiền mặt trước thời điểm đóng thầu.**

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **77.600.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **110 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy

định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

#### **Mục 10. Quy cách HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chi dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

#### **Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 10 giờ 00 ngày 04 tháng 02 năm 2026.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu

nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chi dẫn nhà thầu.

### **Mục 12. Mở thầu**

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 10 giờ 30' ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

### **Mục 13. Làm rõ HSDT**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh

nghiệm của mình đến bên mời thầu tối đa 03 ngày làm việc tiếp theo *sau khi đóng thầu và phù hợp với quy định của QC MSTX*. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

#### **Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDT.
- b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.
- c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu

trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

#### **Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

#### **Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia/hệ thống mạng đấu thầu Viettel/khác (nếu có).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu

lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

#### **Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa**

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

#### **Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Là việc Nhà thầu thực hiện bằng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Giá trị và nội dung bảo đảm theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

#### **Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng – Trưởng Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; SĐT: 0967.910666;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng – Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; Ngô Xuân Hiệp - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; sđt: 0984.666.367; địa chỉ email: [Hiexpnx2@viettel.com.vn](mailto:Hiexpnx2@viettel.com.vn).

**Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình – Chánh Văn Phòng; SĐT: 0965.136.188.

## Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDT	01 bản gốc	
2	Đơn dự thầu	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	
		Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng/dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDT	Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chi dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chi dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chi dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	<b>Năng lực kinh nghiệm:</b>	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	Thành lập trước năm 2024 (thể hiện trong giấy phép ĐKKD) (Trong trường hợp liên danh, ít nhất một thành viên của

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
		<i>liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).</i>
1.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự.	<p>- Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành một phần trong vòng <b>03 năm</b> trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu):</p> <p>+ Số lượng hợp đồng: có tối thiểu <b>01 hợp đồng</b>, hợp đồng có nội dung: <b>đục phá, xây gạch chịu lửa tại các Nhà máy Xi măng.</b></p> <p>+ Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) <math>\geq</math> <b>3,62 tỷ đồng.</b></p> <p>- Nhà thầu là đơn vị thi công trực tiếp trong hợp đồng</p> <p>- Nhà thầu cung cấp bản sao của hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, hồ sơ nghiệm thu hoặc hồ sơ thanh lý để chứng minh (khi cần thiết, BMT có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, chứng minh).</p> <p>- Đối với Nhà thầu liên danh: số lượng hợp đồng chứng minh năng lực kinh nghiệm được tính bằng tổng số lượng hợp đồng hợp lệ của các thành viên liên danh (tương đương với phần công việc đảm nhận).</p>
<b>2</b>	<b>Năng lực tài chính:</b>	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2024 tối thiểu là: <b>7.760.000.000 đồng.</b> <i>(Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).</i>
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 tối thiểu là: <b>0 VND.</b> <i>(Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).</i>
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	<p>Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau:</p> <p>- Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. Đã được kiểm toán.</p> <p>- Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế.</p> <p>- Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai.</p> <p>- Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.</p> <p>- Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2024.</p>

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá: Sử dụng phương pháp đánh giá Đạt/Không đạt. HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSMT
2	Yêu cầu về kỹ thuật	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Yêu cầu về kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong E-HSDT về Yêu cầu về kỹ thuật không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSMT
3	Thỏa thuận khung	- Đồng ý yêu cầu về thỏa thuận khung nêu tại Mục 5, chương IV của HSMT.	- Không nêu hoặc không đồng ý yêu cầu về thỏa thuận khung nêu tại Mục 5, chương IV của HSMT.

### MỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁ

Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất. Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDT để xác định giá thấp nhất (*HSDT có giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

#### Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn

giá chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC.

Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

## 2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu

nêu trong HSDT thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

**Chương III. BIỂU MẪU****Mẫu số 01****ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**Ngày: \_\_\_\_ [*Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chi tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày<sup>(4)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(5)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(6)</sup>***[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất

các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu \_ [Ghi tên gói thầu] do \_ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.] <sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

**Người ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày \_\_\_\_\_ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại, số fax \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_

[Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BAO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu \_\_\_ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu \_\_\_ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên

thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh mở riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

1	2	3	4	5	6
TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x5)
	<b>Tổng cộng giá trị trước thuế</b>				
	<b>Thuế GTGT</b>				
	<b>Tổng cộng giá trị sau thuế</b>				

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (6) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

## Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

### Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ sửa chữa vật liệu chịu lửa;
- Số hiệu gói thầu: **285/ĐTRR/XMCP/ĐT/2025**.
- Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh;
- Địa điểm thi công: Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.  
trong đó tổng tiến độ thực hiện là 270 ngày cụ thể :
  - + Tiến độ sửa chữa lần 1 là: 18 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý I/2026).
  - + Tiến độ sửa chữa lần 2 là: 9 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý III/2026).
  - + Cộng thêm 30 ngày nghiệm thu.
- Nội dung dịch vụ: Đục phá, đổ bê tông chịu lửa; Đục phá, xây gạch chịu lửa.
- Nội dung dịch vụ Nhà thầu cung cấp: Nhân công; Vật tư phụ; Vật tư biện pháp; Máy móc phục vụ thi công...
  - Thời gian dự kiến triển khai thực hiện dịch vụ: lần 1 Quý I/2026, lần 2 dự kiến quý III/2026. Bên mời thầu sẽ dừng Lò nung để thực hiện Sửa chữa định kỳ toàn Nhà máy Xi măng Cẩm Phả. Từ ngày dừng lò sẽ thực hiện dịch vụ liên tục, thực hiện 03 ca. Trong quá trình thực hiện nội dung công việc của gói thầu, có hạng mục công việc sẽ thực hiện trước, có hạng mục công việc sẽ thực hiện sau tùy nhiên tiến độ, thời gian thực hiện từng hạng mục công việc sẽ do Bên mời thầu quyết định tại buổi họp giao ban sửa chữa đầu tiên và các buổi họp giao ban tiếp theo.
  - Bên mời thầu không bố trí chỗ ăn, ở cho cán bộ công nhân viên của Nhà thầu. Chỉ bố trí mặt bằng tạm tập kết vật tư, máy móc thi công, điểm đấu nối điện, nước.
  - Bên mời thầu sẽ thông báo trước cho Nhà thầu thời điểm dừng sửa chữa trước **05 ngày**. Trong vòng **03 ngày** trước thời điểm sửa chữa, Nhà thầu phải tập kết nhân lực, vật tư, máy móc thi công tại địa điểm thực hiện dịch vụ. Nhân lực của Nhà thầu sẽ được Bên mời thầu huấn luyện an toàn trong vòng **03 ngày** trước thời điểm bắt đầu sửa chữa. Trường hợp Nhà máy dừng sửa chữa đột xuất yêu cầu Nhà thầu sau khi nhận được thông báo Bên mời thầu chủ động thực hiện nội dung trên trong vòng **02 ngày** (thời gian Lò nung nguội đảm bảo điều kiện để thi Nhà thầu có thể thi công).
  - Toàn bộ nhân lực, máy móc, vật tư của Nhà thầu tham gia thực hiện dịch vụ

khi ra, vào Nhà máy đều phải đăng ký tại các Công của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

- Nhà thầu tự thực hiện việc đăng ký tạm trú/tạm vắng cho nhân lực của Nhà thầu tại địa điểm Nhà thầu tập kết nhân lực.

- Khối lượng, số lượng công việc nêu trong gói thầu: là dự kiến khối lượng, số lượng công việc thực hiện. Trong quá trình thực hiện có thể: tăng; giảm; không thực hiện; phát sinh khối lượng công việc mới tại khu vực thực hiện.

- Vật tư chính: là vật tư (thép hình/thép tấm; gạch chịu lửa, vữa xây gạch, bê tông chịu lửa, neo thép, que hàn Inox, gỗ dán) do Bên mời thầu cung cấp cho Nhà thầu để thực hiện dịch vụ.

- Nhà thầu nhận vật tư chính của Bên mời thầu tại Kho Vật liệu chịu lửa và thực hiện vận chuyển đến địa điểm thực hiện dịch vụ (Khoảng cách đến địa điểm thực hiện thực hiện dịch vụ khoảng 100m-200m).

- Máy thi công: Bên A cung cấp Máy phá gạch để Bên B thực hiện (trường hợp máy phá gạch Bên A hư hỏng Bên B có trách nhiệm cung cấp máy phá gạch để thực hiện nội dung công việc).

- Ngoài vật tư chính bên mời thầu cung cấp thì vật tư phụ, vật tư biện pháp, máy móc thi công...và các chi phí khác Nhà thầu cung cấp và phân bổ hợp lý đảm bảo chi phí thực hiện dịch vụ.

- Bên mời thầu sẽ cung cấp điểm đấu nối điện, nước thi công và cung cấp điện, nước thi công trong quá trình thực hiện dịch vụ. Đề nghị Nhà thầu tính toán chi phí/giá khi tham dự thầu đảm bảo đã giảm trừ tiền điện, nước thi công.

- Bên A: là Bên mời thầu, Bên B: là nhà thầu.

## **Mục 2. Phạm vi cung cấp/thực hiện.**

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp dịch vụ là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo **Mẫu số 5** tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

<b>Stt</b>	<b>Danh mục dịch vụ</b>	<b>Mô tả dịch vụ</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Sửa chữa lần 1 (dự kiến Quý I/2026 - Thời gian 18 ngày)</b>			
1	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	268,16
2	Phá Cola	Phá Cola hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	150,00
3	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	383,08
4	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cát tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	29,74

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị	Số lượng
5	Đồ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	42,49
6	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR02-Lò nung	Tấn	1,50
7	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 BU02-Vòi đốt lò	Tấn	1,40
8	Đồ bê tông chịu nhiệt	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 BU02-Vòi đốt lò	Tấn	2,00
9	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 142 FR01-Kilnhood, Cooler (Chiều cao bắc giáo từ 12m đến 50m)	Tấn	8,50
10	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 142 FR01-Kilnhood, Cooler (Khối lượng phá dự kiến: Tường TAD: 13,91 tấn; Tường dầy: 17,81 tấn; Tường dưới miệng lò: 11,13; Trần dầy: 16,70 Trần mỏng: 6,51 tấn; Bull nose: 7,79 tấn; Tường đứng dưới chân ghi: 3,41 tấn; Trần Cooler: 2,10 tấn)	Tấn	79,36
11	Đồ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 142 FR01-Kilnhood, Cooler (Khối lượng đồ dự kiến: Tường TAD: 19,88 tấn; Tường dầy: 25,44; Tường dưới miệng lò: 15,90; Trần dầy: 23,85 tấn; Trần mỏng: 9,30 tấn; Bull nose: 11,13 tấn; Tường đứng dưới chân ghi: 4,88 tấn; Trần Cooler: 3,0 tấn)	Tấn	113,37
12	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR01-Tháp sấy (Bắc giáo dự kiến: "Mixing Chamber; Connecting duct CD11-12; Kiln inlet hood; Calciner;" Chiều cao bắc giáo trung bình lớn hơn 50m)	Tấn	14,50

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị	Số lượng
13	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy (Khối lượng phá dự kiến: Mixing Chamber: 25,7 tấn; Connecting duct CD11-12: 18,90 tấn; Cyclone C11: 16,17 tấn; Trần SC: 0,92 tấn; Kiln inlet hood: 1,61 tấn).	Tấn	63,30
14	Đổ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốp pha)	Đổ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy (Khối lượng đổ dự kiến: Mixing Chamber: 36,72 tấn; Connecting duct CD11-12: 27 tấn; Cyclone C11: 23,10 tấn; Trần SC: 1,32 tấn; Kiln inlet hood: 2,3 tấn).	Tấn	90,44
15	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	2,89
16	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	4,13
17	Phá bê tông chịu nhiệt và ngoài (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt và ngoài hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	20,00
18	Đục phá, vệ sinh màng bám, cola	Đục phá, vệ sinh màng bám, cola hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	40,00
19	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR03-Ổng gió 3	Tấn	4,00
20	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ổng gió 3 (Khối lượng phá dự kiến: Côn ống đứng: 7,18 tấn; Co giãn ống gió 3: 3,5 tấn; Ống nhánh đi vào Calciner, sau van BV01: 19,15 tấn).	Tấn	29,83
21	Đổ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốp pha)	Đổ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ổng gió 3 (Khối lượng đổ dự kiến: Côn ống đứng: 10,26 tấn; Co giãn ống gió 3: 5,0 tấn; Ống nhánh đi vào Calciner, sau van BV01: 27,36 tấn)	Tấn	42,62

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị	Số lượng
22	Phá bê tông chịu nhiệt và ngoài (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt và ngoài hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	5,00
23	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	21,13
24	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	30,18
25	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141BV01- van gió 3	Tấn	2,80
26	Đổ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đổ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141BV01- van gió 3	Tấn	4,00
<b>II Sửa chữa lần 2 (dự kiến Quý III/2026 - Thời gian 9 ngày)</b>				
1	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	346,23
2	Phá Cola	Phá Cola hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	150,00
3	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung	Tấn	494,60
4	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR02-Lò nung	Tấn	1,50

Nhà thầu tính toán tất cả các chi phí, thuế GTGT và các chi phí khác có liên quan và phân bổ chi phí vào từng nội dung công việc nêu trên.

### **Mục 3. Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. trong đó tổng tiến độ thực hiện là 270 ngày cụ thể :

+ Tiến độ sửa chữa lần 1 là: 18 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý I/2026).

+ Tiến độ sửa chữa lần 2 là: 9 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý III/2026).

+ Cộng thêm 30 ngày nghiệm thu.

- Tiến độ thực hiện hợp đồng: tổng tiến độ thực hiện là 270 ngày.

+ Tiến độ sửa chữa lần 1 là: 18 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý I/2026).

+ Tiến độ sửa chữa lần 2 là: 9 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý III/2026).

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Xi măng Cẩm Phả. Km6, QL 18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

#### Mục 4. Yêu cầu về kỹ thuật

##### 1. Yêu cầu về Bắc giáo, Tháo giáo

Chuẩn bị, vận chuyển, lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Bốc xếp lên phương tiện, trước và sau khi sử dụng.

##### 2. Yêu cầu về Phá Cola

- Dùng súng khí hoặc Máy phá gạch phá bỏ các vị trí Cola cần phá theo chỉ dẫn của Bên mời thầu.

- Vận chuyển phần Cola phá ra ngoài vị trí đổ (khoảng 50-60m từ vị trí phá dỡ).

##### 3. Yêu cầu về Phá gạch chịu nhiệt Lò nung

- Dùng máy phá gạch để phá bỏ các vị trí theo chỉ dẫn của Bên mời thầu.

- *Khối lượng gạch phá tính bằng 70% khối lượng xây mới.*

- Các bước phá gạch:

• **Bước 1:** Phá lớp Cola tại vùng gạch cần phá và phá bỏ vùng khác nếu Cola có khả năng rơi rụng gây mất an toàn trong quá trình thi công.

• **Bước 2:** Phá mở mạch tiến hành việc phá mở mạch đầu tiên ở trên đỉnh Lò, phá từ trong ra ngoài. Phá từ 2 đến 5 vòng đầu với bề rộng là 1/2 chu vi Lò. Sau đó phá từng vòng một.

• **Bước 3:** Quay Lò làm sập gạch.

• **Bước 4:** Vệ sinh và vận chuyển toàn bộ bột liệu, còla, gạch cũ ra vị trí tập kết.

##### 4. Yêu cầu về Phá gạch chịu nhiệt tại các vị trí khác ngoài Lò nung

- Dùng súng khí hoặc Máy phá gạch để phá bỏ các vị trí theo chỉ dẫn của Bên mời thầu.

- Nguyên tắc phá gạch:

• **Bước 1:** Phá lớp Cola, gạch tại vùng gạch cần phá và phá bỏ vùng khác nếu Cola có khả năng rơi rụng gây mất an toàn trong quá trình thi công (*Phá từ trên xuống dưới, phá từ trong ra ngoài*).

• **Bước 2:** Vệ sinh và vận chuyển toàn bộ bột liệu, còla, gạch cũ ra vị trí tập kết.

##### 5. Yêu cầu về Phá bê tông chịu nhiệt

- Dùng súng khí phá bỏ các vị trí bê tông chịu nhiệt cần phá theo chỉ dẫn của Bên mời thầu.

- Vận chuyển phần bê tông phá ra ngoài vị trí đổ (khoảng 50-60m từ vị trí phá dỡ).

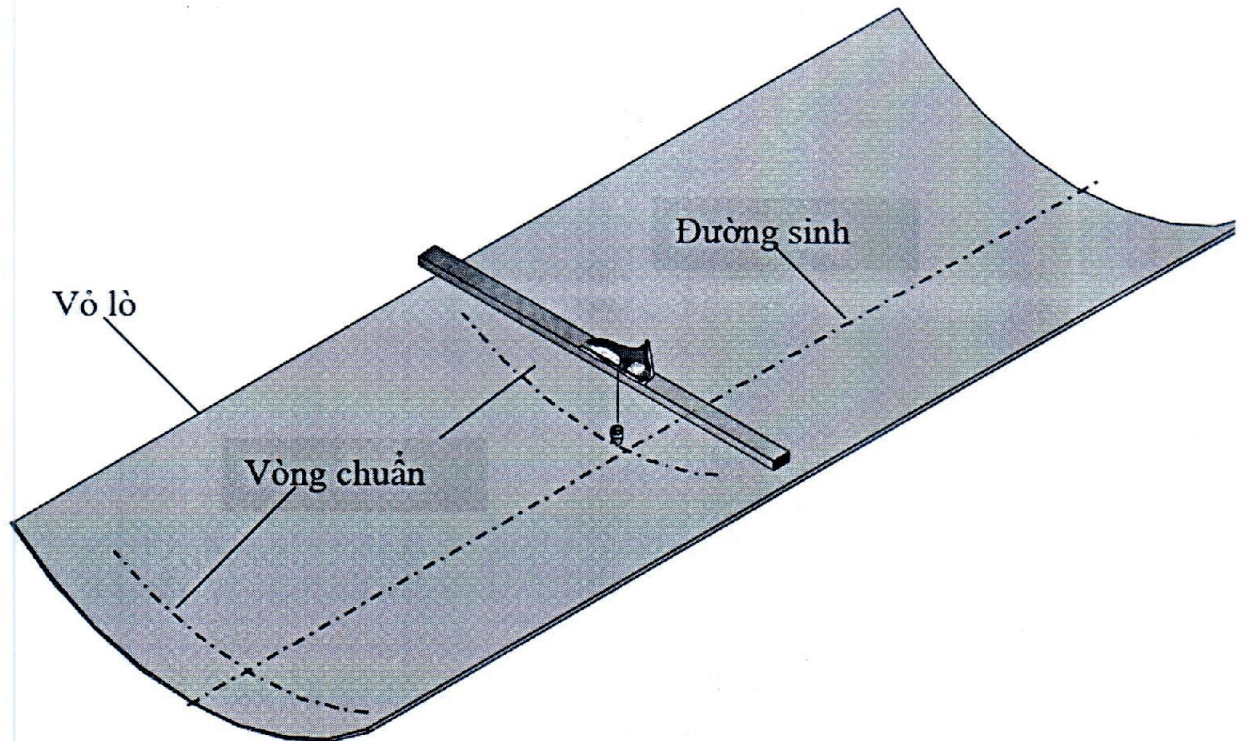
- Vệ sinh sạch sẽ bề mặt kim loại (lớp vỏ) và được Bên mời thầu nghiệm thu cho triển khai các nội dung công việc tiếp theo.

- *Khối lượng bê tông phá tính bằng 70% khối lượng bê tông đổ mới.*

##### 6. Yêu cầu về Xây gạch chịu nhiệt Lò nung

###### 6.1. Yêu cầu về kẻ vẽ đường tâm, đường cung chuẩn

- Xác định đường tâm, đường cung chuẩn theo hình vẽ nêu dưới đây:



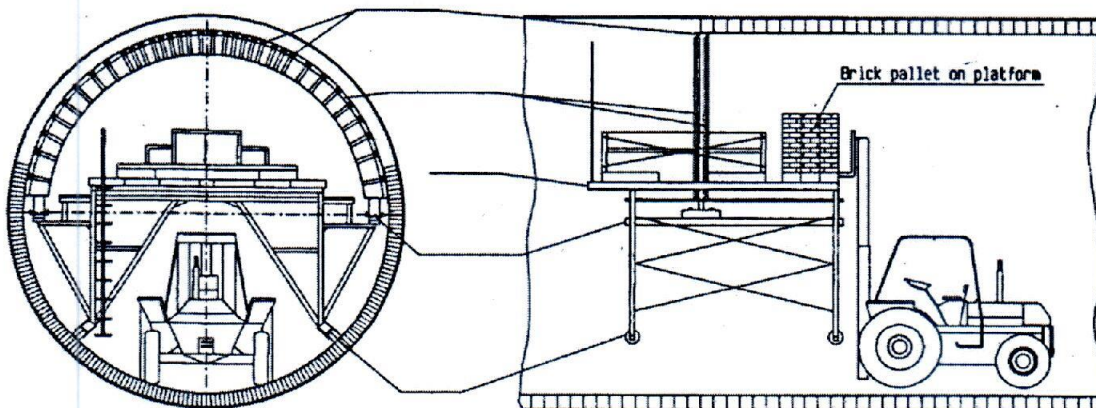
- Các đường cung chuẩn phải được vạch ra trên Lò bên cạnh các đường hàn theo chu vi. Các đường này được vạch trên vỏ lò bằng bút phũ (hoặc loại bút vẽ mực không phai). Trong khi xây phải căn chỉnh sao cho mặt phẳng tạo bởi các mặt cạnh của gạch trong cùng vòng phải song song với mặt phẳng chứa cung chuẩn gần nhất.

## 6.2. Yêu cầu về Xây gạch

**Bước 1:** Xây gạch nửa dưới trước.

**Bước 2:** Lắp khung di động và thiết bị gá lắp bằng kim loại nhẹ mà trên đó các xi lanh khí nén được lắp đặt vào vị trí của nó.

**Bước 3:** Các viên gạch được đặt trên thiết bị gá lắp và được ép chặt vào vỏ Lò bằng các xi lanh khí nén được điều khiển bằng nút bấm.



### 6.3. Yêu cầu kỹ thuật chung cho xây gạch lò

- Phải kiểm tra gạch trước khi tiến hành xây, không chấp nhận bất kỳ viên gạch để xây có vết nứt (*đặc biệt phải loại bỏ hoàn toàn các viên bị nứt do sự Hyđrat hóa*), sứt góc quá tiêu chuẩn.

- Tuân thủ theo tổ hợp gạch xây đã chọn (*trừ khi vỏ Lò bị ô van biến dạng có thể thay đổi tổ hợp*).

- Mặt ngội của viên gạch phải được áp sát với vỏ Lò và mạch xây theo chiều đứng của gạch phải hướng tâm, tức là các viên gạch không được lộn đầu, cập kênh, hở đáy, há miệng, xia...

- Các mạch xây theo chiều ngang của viên gạch phải điều chỉnh song song với trục Lò (*hoặc đường sinh, đường hàn ngang của vỏ Lò*).

- Vòng tròn tạo bởi các mặt cạnh của các viên gạch trong 01 vòng phải điều chỉnh song song với vòng chuẩn đã kẻ, kiểm tra bằng cách: Khi xây nửa dưới (*so sánh khoảng từ điểm dưới cùng tới vòng chuẩn với khoảng cách từ điểm của hai bên cao tới vòng chuẩn*) hoặc khi xây nửa trên (*so sánh khoảng từ điểm trên cùng tới vòng chuẩn với khoảng cách từ điểm của hai bên thấp tới vòng chuẩn*) để có hướng điều chỉnh các vòng gạch không bị xiên vòng.

- Mặt gạch có dán bìa giãn nở nhiệt phải quay về hướng đầu vào của Lò.

- Trong quá trình xây, khi nê, chèn vòng phải đảm bảo không cho gạch bị vỡ, dập hoặc nứt.

### 6.4. Yêu cầu về khoá vòng gạch

- Chỉ các viên gạch nguyên vẹn thì mới được sử dụng để khoá các vòng gạch, không sử dụng các viên cắt để cho thích hợp với kích cỡ.

- Nếu một số lượng gạch khoá được sử dụng thì không được xây sát cạnh nhau, bắt buộc xây xen kẽ với các viên gạch xây chính.

- Các viên gạch khoá của 02 vòng tiếp giáp nhau không được trùng mạch xây.

- Nếu có một số lượng tấm thép chèn dùng để khoá viên gạch thì phải nên phân bố đều cho toàn bộ vùng gạch khoá.

- Đảm bảo rằng các mạch xây theo chiều ngang của viên gạch phải song song với trục Lò.

- Các tấm thép chèn để khoá các viên gạch nên có độ dày 02 hoặc 03 mm.

- Không được dùng hai tấm thép chèn trong một mạch xây.

- Mài vát cạnh của tấm thép chèn để đóng vào dễ dàng, đặc biệt khi đóng bằng khí nén. Sử dụng một thanh thép hình chữ nhật có rãnh bằng độ dày của tấm thép chèn để đóng để đảm bảo hạn chế tõe đầu của tấm thép chèn.

### 6.5. Yêu cầu về kích ép gạch

- Khi khoá các vòng gạch phải dùng kích chuyên dùng ép các viên gạch trên một vòng sát với nhau. Khi kích ép gạch cần thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1:** Kích ép gạch với áp suất 20bar thì dừng lại, dùng vỏ nhựa để đóng các

vòng gạch ép sát với nhau theo yêu cầu kỹ thuật.

**Bước 2:** Chọn lực ép để phù hợp để kích ép gạch đến áp suất từ 20bar đến 200bar hoặc 350bar tùy từ loại gạch, hãng sản xuất gạch. Khi kích gạch cần phải quan sát viên gạch có bị biến dạng, hoặc nứt trong quá trình kích không, nếu thấy bị nứt cần phải loại viên gạch đó ngay. Trong quá trình ép gạch thấy hiện tượng gạch nứt nhiều và lực ép chưa đạt yêu cầu cần thông báo ngay cho Kỹ thuật giám sát Bên mời thầu để có biện pháp giải quyết tiếp theo.

*(Thông thường lực ép: Gạch tiêu chuẩn VDZ kiểm tính thì lực ép là (240-290) bar. Gạch tiêu chuẩn ISO kiểm tính thì lực ép là (270-320) bar. Gạch tiêu chuẩn ISO cao nhôm thì lực ép là (270-350) bar).*

## **6.6. Yêu cầu về xây viên gạch cuối cùng**

### **6.6.1. Đối với kiểu xây khan**

- Viên gạch xây cuối cùng trong lò quay phải được chèn đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đảm bảo rằng mặt A của viên gạch cuối cùng được ép chặt vào vỏ Lò và đảm bảo các mạch ngang song song với trục Lò.

+ Phần hốc trống dành cho viên gạch cuối cùng phải đảm bảo cho loại gạch tiêu chuẩn VDZ hoặc tiêu chuẩn ISO có thể lắp vừa.

+ Viên gạch cuối cùng phải được chèn song song với các viên gạch gần kề.

+ Vòng gạch phải đảm bảo được xiết chặt bằng việc khoá bằng các tấm thép chèn và được phân bố đều trên toàn bộ vòng gạch khoá.

### **6.6.2. Đối với kiểu xây vữa**

Vị trí theo kim đồng hồ chỉ lúc 12h.00' là điều kiện tốt nhất để xây viên gạch cuối cùng, nội dung được thực hiện như sau:

- Tính toán phần hốc trống cho viên gạch cuối cùng sao cho loại gạch theo tiêu chuẩn VDZ hoặc ISO có thể chèn vừa vào từ phía trên xuống. Khoảng trống tại đỉnh hốc phải bằng chiều rộng mặt A của viên gạch khoá. Hốc trống dành cho viên gạch khoá sẽ được nhồi vào khoảng 1/3 chiều cao vữa.

- Viên gạch cuối cùng sẽ được nén vào trong vữa từ trên xuống bằng cách dùng búa cao su nén xuống sao cho vữa bị ép qua khe hở lên đầy bề mặt của viên gạch.

- Đảm bảo vữa phủ xung quanh viên gạch cuối cùng có độ dày thích hợp, đóng các tấm thép chèn vào các mạch ngang để khoá vòng gạch.

## **6.7. Yêu cầu kỹ thuật liên quan đến xây gạch trên các đường hàn, vị trí vỏ Lò biến dạng, các vòng gạch cắt**

### **6.7.1. Xây gạch trên các đường hàn theo chu vi Lò**

- Trong trường hợp các đường hàn nhô cao hơn 08mm so với vỏ Lò thì viên gạch đặt trên nó nên được cắt góc.

- Trong trường hợp các đường hàn thấp hơn 8 mm, thì các viên gạch được xây đệm với vữa xây ở dưới, như thế thì các vòng gạch tại các đường hàn vẫn có thể được

xây song song với các vòng gạch khác.

**6.7.2 Xây các viên gạch trên những chỗ vô lò bị biến dạng (biến dạng theo chu vi Lò hoặc biến dạng theo trục Lò)**

- Các mạch liên kết theo chiều ngang phải được đặt một cách chính xác theo hướng song song với trục của Lò.

- Các viên gạch xây trong vùng Lò bị biến dạng thì phải xây cùng với vữa và tại đó thì chiều dày mạch liên kết giữa các viên gạch nên từ 1-1,5mm.

- Dùng vữa để kê vào khoảng trống giữa mặt đáy A của viên gạch và vô lò. Độ dày lớn nhất là 8 mm. Không được sử dụng bất cứ loại bê tông chịu nhiệt nào, hay sắt thép... để kê kích trong quá trình xây và vữa, do nó dễ bị vỡ và sẽ dẫn đến tới lỏng vòng gạch.

**6.7.3 Xây các vòng gạch cắt**

Các vấn đề liên quan đến việc xây vòng gạch cuối cùng thường xảy ra ở chỗ nối giữa lớp lót mới với lớp lót cũ và vành chặn. Khoảng cách giữa các vòng gạch này thường lớn hơn kích thước hình học viên gạch theo tiêu chuẩn VDZ và ISO theo chiều 198 mm. Trong trường hợp đó hai viên gạch luôn luôn phải bị cắt, thận trọng khi thực hiện điều này để đảm bảo rằng chiều dài theo L của viên gạch cắt xây phải còn  $\geq 133\text{mm}$ , vòng gạch cắt không được xây tiếp giáp với vòng gạch cũ để lại hoặc vành chặn và không được xây 02 vòng cắt tiếp giáp nhau.

**7. Yêu cầu về xây gạch chịu nhiệt tại các vị trí khác (xây tường phẳng, côn, trụ...)**

- Phải kiểm tra gạch trước khi tiến hành xây, không chấp nhận bất kỳ viên gạch để xây có vết nứt, sứt góc quá tiêu chuẩn.

- Tuân thủ theo tổ hợp gạch xây đã chọn.

- Lớp cách nhiệt phải lắp đặt, cố định, sát với vô thiết bị, chủng loại, chiều dày lớp cách nhiệt được xác định theo bản vẽ thiết kế hoặc theo hướng dẫn của Bên mời thầu.

- Mặt ngoài của viên gạch phải được áp sát với lớp cách nhiệt và mạch xây theo chiều đứng của gạch phải hướng tâm (các viên gạch không được lộn đầu, cập kênh, hở đáy, há miệng, xia...).

- Các mạch xây theo chiều ngang của viên gạch phải điều chỉnh song song với trục thiết bị.

- Trong quá trình xây đặc biệt khi chèn vòng phải đảm bảo không cho gạch bị vỡ, dập hoặc nứt.

- Các viên gạch được liên kết với nhau bởi lớp vữa. Vữa trộn phải đạt độ nhuyễn, dẻo, chiều dày vữa xây cho phép 01mm đến 02mm (tối đa 02mm).

- Khi xây tường phẳng từ 02 m<sup>2</sup> đến 04 m<sup>2</sup> phải để khe giãn nở nhiệt, chiều dày khe giãn nở nhiệt từ 10 mm đến 20 mm. Tùy theo vị trí, hình thù, điều kiện làm của thiết bị để xác định khoảng cách giữa các khe giãn nở nhiệt và chiều dày cho phù hợp.

- Khi xây trụ tròn, côn nếu không có viên khóa thì viên cuối cùng phải cắt gạch khóa, viên gạch cắt khóa phải lớn hơn 2/3 viên gạch cơ bản, các viên gạch khóa phải

xây xen kẽ nhau. Khi chèn viên gạch khóa phải đảm bảo chặt, có thể dùng thêm nệm thép đóng bổ sung đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

## **8. Yêu cầu về đổ bê tông chịu nhiệt**

### **8.1. Đối với hàn neo thép và thi công lớp cách nhiệt**

- Vị trí, hướng neo phải theo đúng thiết kế, bản vẽ của Bên mời thầu.
- Dùng que hàn đúng chủng loại do Bên mời thầu cấp;
- Neo phải được hàn chặt theo yêu cầu kỹ thuật vào vỏ thép. Các đầu neo phải có đầu bịt bằng nhựa;
- Chiều dày, chủng loại lớp cách nhiệt phải đúng thiết kế;
- Các tấm cách nhiệt phải được cố định vào vỏ hoặc neo thép chặt chẽ để khi đổ bê tông không bị xô dịch.
- Trước khi ghép cốp pha toàn bộ các công việc nêu trên đây phải được Bên mời thầu nghiệm thu cho triển khai các nội dung tiếp theo.

### **8.2. Đối với công tác ghép cốp pha**

- Việc gia công, lắp dựng cốp pha (ván khuôn) đảm bảo đúng kích thước hình học, độ kín khít và thẳng, hệ thống chống giữ phải được gia cố vững chắc, đảm bảo dễ tháo, lắp.
- Ván khuôn trước khi lắp đặt được bôi dầu đảm bảo dễ tháo, dỡ sau khi đổ bê tông.
- Đảm bảo ván khuôn trong quá trình đổ bê tông, tháo dỡ ván khuôn vững chắc không làm ảnh hưởng đến kết cấu chung cũng như ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của bê tông.
- Trước khi đổ bê tông toàn bộ các công việc trên đây phải được Bên mời thầu nghiệm thu cho triển khai các nội dung tiếp theo.

### **8.3. Đối với công tác đổ bê tông**

- Trộn bê tông:
  - + Trộn bê tông do Bên mời thầu cung cấp bằng máy trộn.
  - + Quy trình trộn, tỷ lệ nước theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên mời thầu.
  - + Mỗi mẻ trộn phải đảm bảo khối lượng phù hợp với lượng bê tông cần dùng tại vị trí cần đổ bê tông.
  - + Mẻ trước phải được xả ra hết trước khi đưa các vật liệu của mẻ tiếp theo vào trộn.
  - + Máy trộn phải được bảo trì tốt, được rửa sạch sau mỗi ca làm việc.
- Biện pháp đổ bê tông:
  - + Đổ, đầm bê tông phải được hướng dẫn và giám sát trực tiếp của cán bộ kỹ thuật Bên mời thầu.
  - + Đổ bê tông phải đảm bảo không làm xô dịch cốp pha và làm tổn hại đến bề mặt ván khuôn.
  - Đầm bê tông: Đảm bảo sau khi đầm, bê tông được đầm chặt, không bị rỗ và được đầm kỹ.

### 9. Yêu cầu về giải pháp chống ô nhiễm môi trường

Nêu cụ thể và đưa vào HSDT giải pháp chống ô nhiễm môi trường về các nội dung cơ bản như sau:

- Giữ gìn vệ sinh và an toàn lao động.
- Chống bụi, vật rơi từ trên cao.
- Chống ồn rung động quá mức.
- Bảo vệ công trình kỹ thuật hạ tầng.
- Quản lý chất thải.

### 10. Yêu cầu về An toàn lao động

Nêu trong HSDT giải pháp an toàn lao động về các nội dung sau:

- Trang bị bảo vệ cá nhân.
- Giải pháp về an toàn về điện, bóc xếp, vận chuyển, sử dụng dụng cụ cầm tay, máy thi công, lắp dựng tháo dỡ giàn giáo, công tác tháo, lắp các cấu kiện.

### 11. Yêu cầu về Phòng chống cháy nổ

Nêu trong HSDT giải pháp phòng chống cháy nổ về các nội dung sau:

- Giải pháp phòng cháy
- Giải pháp chữa cháy khi có sự cố.

### 12. Yêu cầu về đánh giá chất lượng dịch vụ dự kiến nhà thầu cung cấp

Gói thầu phục vụ việc: đục phá bê tông chịu nhiệt, cắt neo thép chịu nhiệt, đục phá gạch chịu nhiệt, hàn neo thép chịu nhiệt, đổ bê tông chịu nhiệt, xây gạch chịu nhiệt” trong các Hạng mục cần sửa chữa của Bên mời thầu nên để có cơ sở đánh giá chất lượng dịch vụ dự kiến Nhà thầu cung cấp, Bên mời thầu đề nghị Nhà thầu nghiên cứu danh mục dịch vụ điển hình dưới đây:

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị	Số lượng
1	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	268,16
2	Phá Cola	Phá Cola hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	150,00
3	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	383,08
4	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	29,74
5	Đổ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đổ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	42,49
6	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR02-Lò nung	Tấn	1,50

Trên cơ sở danh mục dịch vụ nêu trên, đề nghị Nhà thầu đề xuất cụ thể các biện pháp thực hiện từng nội dung trong danh mục dịch vụ theo các nội dung như sau:

- Biện pháp đảm bảo sẵn sàng cung cấp vật tư phụ, vật tư biện pháp.
- Biện pháp đảm bảo cung cấp sẵn sàng máy móc/thiết bị thi công.
- Biện pháp vận chuyển (ngang và lên cao).
- Biện pháp Bắc giàn giáo thi công.
- Biện pháp đục phá bê tông chịu nhiệt và vận chuyển ra vị trí tập kết.
- Biện pháp đục phá gạch chịu nhiệt và vận chuyển ra vị trí tập kết.
- Biện pháp đục phá Cola và vận chuyển ra vị trí tập kết.
- Biện pháp cắt neo thép chịu nhiệt.
- Biện pháp làm sạch Hạng mục.
- Biện pháp hàn đồ bê tông chịu nhiệt (Hàn neo thép chịu nhiệt, ghép cốt pha, đồ bê tông).
- Biện pháp xây gạch chịu nhiệt.
- Biện pháp tháo giàn giáo thi công.
- Biện pháp thu dọn mặt bằng thi công
- Biện pháp chạy thử thiết bị sau khi sửa chữa xong.

*Ghi chú: Bên mời thầu có thể làm rõ các nội dung đề xuất về danh mục dịch vụ nêu trên của HSDT nếu nội dung đề xuất chưa cụ thể, chưa phù hợp trong quá trình đánh giá HSDT.*

### **13. Yêu cầu về Nhân lực trực tiếp**

Kê khai cụ thể danh sách và cam kết trong HSDT đảm bảo tối thiểu nhân lực trực tiếp tham gia thực hiện gói thầu như sau:

- Công nhân cầu; chuyên: 08 người.
- Công nhân hàn điện: 06 người.
- Công nhân hàn hơi: 06 người.
- Công nhân thực hiện phá dỡ, xây gạch, đồ bê tông: 90 người.
- Công nhân tham gia các công việc còn lại: 10 người.
- Trong mọi trường hợp Nhà thầu cam kết đảm bảo đủ nhân lực, vật tư phụ, máy móc thực hiện công việc sửa chữa hỏng hóc đột xuất bất cứ khi nào Bên mời thầu yêu cầu. Trong quá trình thực hiện, Nhà thầu có quyền đề xuất thay đổi, Bên mời thầu chỉ quan tâm đảm bảo số lượng nhân lực yêu cầu cho từng vị trí công việc nêu trên

### **14. Yêu cầu về Máy thi công**

Kê khai cụ thể danh sách và cam kết trong HSDT đảm bảo tối thiểu thiết bị thi công như sau:

- Vòm xây gạch cho lò nung  $\geq 01$  vòm (vòm xây gạch đáp ứng xây được lò nung Clinker đường kính  $\geq 5,2\text{m}$ ).

- Máy phá gạch Brokk chuyên dùng cho Lò  $\geq 02$  máy.
- Máy bơm trộn bê tông  $\geq 03$  máy.
- Máy xúc lật chuyên dùng cho lò Bobcat (hoặc Cat)  $\geq 03$  máy.

Bên A cung cấp Máy phá gạch để Bên B thực hiện (*trường hợp máy phá gạch Bên A hư hỏng Bên B có trách nhiệm cung cấp máy phá gạch để thực hiện nội dung công việc*).

#### **15. Yêu cầu về dịch vụ cung cấp khác**

- Làm việc 3 ca theo đúng thời gian làm việc của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả trong đợt sửa chữa.
- Việc thực hiện dịch vụ nêu tại gói thầu không làm sai lệch so với thông số thiết kế ban đầu của thiết bị.
- Đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc được giao trong đợt sửa chữa.
- Huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vào làm việc.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, dụng cụ lao động và thẻ ra, vào nhà máy cho người lao động.

#### **16. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu**

Cách thức giao việc/nghiệm thu khối lượng:

- Bên mời thầu sẽ thông báo trước cho Nhà thầu thời điểm dừng sửa chữa trước 05 ngày. Trong vòng 03 ngày trước thời điểm sửa chữa, Nhà thầu phải tập kết nhân lực, vật tư, máy móc thi công tại địa điểm thực hiện dịch vụ. Nhân lực của Nhà thầu sẽ được Bên mời thầu huấn luyện an toàn trong vòng 03 ngày trước thời điểm bắt đầu sửa chữa. Trường hợp Nhà máy dừng sửa chữa đột xuất yêu cầu Nhà thầu sau khi nhận được thông báo Bên mời thầu chủ động thực hiện nội dung trên trong vòng 02 ngày (thời gian Lò nung nguội đảm bảo điều kiện để thi Nhà thầu có thể thi công).

- Sau khi nhà thầu hoàn thành dịch vụ, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng để làm cơ sở quyết toán giá trị thực hiện dịch vụ

- Toàn bộ các chứng từ thanh toán và các tài liệu liên quan khác của từng đợt sửa chữa sẽ được Bên A kiểm tra và ký duyệt trong thời gian **14 (mười bốn) ngày** kể từ ngày Bên B đệ trình đến Bên A, nếu quá thời hạn trên, Bên A không có ý kiến phản hồi đến Bên B thì coi như các tài liệu, chứng từ đó đã được Bên A chấp nhận.

#### **17. Hợp tác với các Nhà thầu khác**

Bên B phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc tại Nhà máy trong quá trình thực hiện hợp đồng.

#### **18. Yêu cầu về Bảo hành**

- Nội dung đề xuất về bảo hành trong HSDT của Nhà thầu đảm bảo các nội dung như sau:

- Bảo hành: tối thiểu **06 tháng** kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá **02%** tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu **07 tháng** kể từ ngày phát hành chứng thư (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng).

- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hạng mục công việc sửa chữa.

- Thời gian có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật: không chậm hơn 24 tiếng đơn vị bảo hành phải có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật. Thời gian được tính kể từ khi đơn vị sử dụng hoặc cơ quan quản lý sử dụng thông báo sự cố bằng Fax, email, điện thoại cho nhà thầu (nhà thầu cung cấp địa chỉ liên lạc).

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

### **19. Ra vào Nhà máy Xi măng Cẩm Phả (Nhà máy)**

- Về nhân lực: toàn bộ nhân lực của Bên B ra, vào Nhà máy phải đăng ký cho Bên A trước khi thực hiện dịch vụ hoặc đăng ký ngay cho Bên A khi Bên B điều động bổ sung hoặc thay thế nhân lực.

- Về Vật tư của Bên B: Trong quá trình thực hiện dịch vụ, khi đưa vật tư vào thực hiện dịch vụ, Bên B phải đăng ký tại Công Nhà máy. Sau khi vật tư Bên B đưa đến điểm tập kết thi công, Bên A sẽ tổ chức kiểm tra vật tư trước khi thực hiện dịch vụ. Đối với các vật tư thừa sau khi thực hiện dịch vụ, Bên B phải đăng ký và có Phiếu đưa vật tư ra khỏi Công Nhà máy (Phiếu được Ban Tổng Giám đốc Bên A duyệt).

- Về máy móc, thiết bị của Bên B: Trong quá trình thực hiện dịch vụ, khi đưa máy móc, thiết bị vào thực hiện dịch vụ, Bên B phải đăng ký tại Công Nhà máy. Sau khi máy móc, thiết bị Bên B đưa đến điểm tập kết thi công, Bên A sẽ tổ chức kiểm tra máy móc, thiết bị trước khi thực hiện dịch vụ. Sau khi thực hiện xong dịch vụ, Bên B phải đăng ký và có Phiếu đưa máy móc, thiết bị ra khỏi Công Nhà máy (Phiếu được Ban Tổng Giám đốc Bên A duyệt).

## **Mục 5. Thỏa thuận khung**

### **1. Phạm vi cung cấp dịch vụ**

<b>Stt</b>	<b>Danh mục dịch vụ</b>	<b>Mô tả dịch vụ</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	01	
2	Phá Cola	Phá Cola hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	01	
3	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	01	
4	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	01	

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
5	Đồ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR02-Lò nung.	Tấn	01	
6	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR02-Lò nung	Tấn	01	
7	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 BU02-Vòi đốt lò	Tấn	01	
8	Đồ bê tông chịu nhiệt	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 BU02-Vòi đốt lò	Tấn	01	
9	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 142 FR01-Kilnhood, Cooler (Chiều cao bắc giáo từ 12m đến 50m)	Tấn	01	
10	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 142 FR01-Kilnhood, Cooler	Tấn	01	
11	Đồ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 142 FR01-Kilnhood, Cooler	Tấn	01	
12	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
13	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
14	Đồ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đồ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
15	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
16	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
17	Phá bê tông chịu nhiệt vữa ngoài (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt vữa ngoài hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
18	Đục phá, vệ sinh màng bám, cola	Đục phá, vệ sinh màng bám, cola hạng mục 141 FR01-Tháp sấy	Tấn	01	
19	Bắc giáo, tháo giáo	Bắc giáo, tháo giáo hạng mục 141 FR03-Ổng gió 3	Tấn	01	
20	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ổng gió 3	Tấn	01	

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
21	Đổ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đổ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	01	
22	Phá bê tông chịu nhiệt vữa ngoài (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt vữa ngoài hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	01	
23	Phá gạch chịu nhiệt	Phá gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	01	
24	Xây gạch chịu nhiệt	Xây gạch chịu nhiệt hạng mục 141 FR03-Ống gió 3	Tấn	01	
25	Phá bê tông chịu nhiệt (Bao gồm cắt tẩy neo thép)	Phá bê tông chịu nhiệt hạng mục 141BV01- van gió 3	Tấn	01	
26	Đổ bê tông chịu nhiệt (Bao gồm hàn neo thép, ghép cốt pha)	Đổ bê tông chịu nhiệt hạng mục 141BV01- van gió 3	Tấn	01	

**Ghi chú:**

*Ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu đã vượt qua đánh giá về năng lực, kỹ thuật và có đơn giá chào thầu thấp nhất.*

*Đối với các Nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu, Bên mời thầu có nhu cầu ký thỏa thuận khung với các Nhà thầu này thì đàm phán để đơn giá ký thỏa thuận khung không vượt quá đơn giá thấp nhất.*

*Khi có nhu cầu dịch vụ trong thỏa thuận khung thì Bên mời thầu sẽ ưu tiên thực hiện với Nhà thầu có đơn giá chào thấp nhất.*

**2. Giá trị thực hiện**

- Theo từng đợt sửa chữa: Giá trị thực hiện sẽ được hai bên thống nhất tại Phụ lục của thỏa thuận khung.

- Các công việc sửa chữa bảo dưỡng khác theo yêu cầu của bên A: Nội dung công việc và đơn giá sẽ được hai bên thống nhất chi tiết theo yêu cầu của bên A trước khi bên B tiến hành công việc sửa chữa bảo dưỡng và sẽ được lập thành phụ lục thỏa thuận khung.

- Thuế GTGT được tính theo quy định tại thời điểm xuất hoá đơn.

**3. Thời gian, địa điểm cung cấp dịch vụ**

- Tiến độ thực hiện thỏa thuận khung: Theo tiến độ hai bên thống nhất theo thỏa thuận từng đợt sửa chữa.

- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: Kể từ ngày ký thỏa thuận khung cho đến khi các bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và sau 30 ngày không còn vướng mắc thỏa thuận khung tự thanh lý.

**4. Điều kiện bàn giao dịch vụ, thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung**

**- Điều kiện bàn giao dịch vụ:**

Điều kiện nghiệm thu

- Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu từng công việc quy định của thỏa thuận khung khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành, bên B cung cấp đủ hồ sơ theo quy định.

- Khối lượng công việc bên B thực hiện chỉ được nghiệm thu và đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu của bên A, đảm bảo chất lượng và đạt tiêu chuẩn theo qui định.

Điều kiện bàn giao

Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao thiết bị đã tháo, dỡ, sửa chữa, lắp đặt đưa vào sử dụng theo Quy định hiện hành của nhà nước

Toàn bộ các chứng từ thanh toán và các tài liệu liên quan khác của từng đợt sửa chữa sẽ được Bên A kiểm tra và ký duyệt trong thời gian **14 (mười bốn) ngày** kể từ ngày Bên B đệ trình đến Bên A, nếu quá thời hạn trên, Bên A không có ý kiến phản hồi đến Bên B thì coi như các tài liệu, chứng từ đó đã được Bên A chấp nhận.

**- Điều kiện thanh toán:**

Thanh toán theo các đợt sửa chữa, từng đợt thực hiện thanh toán cụ thể như sau:

Thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt sửa chữa bằng chuyển khoản trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán;
- + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;
- + Hồ sơ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành từng đợt theo mẫu Bên A;
- + Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán từng đợt;

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

- **Thanh lý thỏa thuận khung:** Khi 02 bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thì sau 30 ngày không còn vướng mắc Hợp đồng tự thanh lý.

**5. Nguyên tắc điều chỉnh giá:** tuân thủ theo khoản 4 điều 13 QCMSTX của Bên A.

**6. Bảo hành**

Mỗi đợt sửa chữa Bên B bảo hành dịch vụ như sau:

Bảo hành: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 02% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 07 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng).

Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hạng mục công việc sửa chữa.

Thời gian có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật: không chậm hơn 24 tiếng đơn vị bảo hành phải có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật. Thời gian được tính kể từ khi đơn vị sử dụng

hoặc cơ quan quản lý sử dụng thông báo sự cố bằng Fax, email, điện thoại cho nhà thầu (nhà thầu cung cấp địa chỉ liên lạc).

Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

### **7. Quyền và trách nhiệm của Bên B**

- Bên B có quyền chủ động tổ chức các công việc được giao, đảm bảo tiến độ thực hiện của thỏa thuận khung này.

- Bên B có quyền yêu cầu bên A cung cấp những tài liệu cần thiết trong phạm vi cho phép của bên A mà có liên quan đến phạm vi công việc của thỏa thuận khung.

- Bên B phải cử đại diện có đủ thẩm quyền tại công trường để giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện hợp đồng. Thực thi trách nhiệm của mình theo quy định trong thỏa thuận khung bao gồm giám sát công việc, kiểm tra chất lượng, ký các biên bản nghiệm thu.

- Cung cấp đầy đủ vật tư, nhân lực, máy thi công và tổ chức thi công theo phiếu giao việc của bên A.

- Trong quá trình thi công bên B phải tuân thủ nghiêm ngặt nội quy an toàn lao động của bên A, phải có biện pháp thi công, biện pháp an toàn để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Bên B chịu trách nhiệm huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vào làm việc. Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác an toàn cho người và phương tiện thực hiện công việc tại công trường.

- Lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng thỏa thuận khung đã thực hiện theo qui định của Nhà nước và yêu cầu của bên A.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản của Bên A trong thời gian Bên B thi công tại công trường của Bên A nếu để xảy ra mất mát tài sản của Bên A. Nếu tài sản bị hư hỏng Bên B có trách nhiệm khắc phục trường hợp không khắc phục được Bên B trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho Bên A. Bên B không được phép xâm phạm đến những tài sản của Bên A tại công trường. Nếu xâm phạm Bên B sẽ phải có trách nhiệm bồi thường nếu để xảy ra hư hỏng gây ra trong quá trình thi công và việc này phải được lập văn bản ngay tại hiện trường có chữ ký của 2 bên.

- Giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi công trường. Xin các loại giấy phép để phục vụ thi công, có biện pháp chống, đỡ các công trình lân cận khi thi công, có hệ thống chiếu sáng để đảm bảo an toàn, phải lập hàng rào bao quanh và có biện pháp bao che công trình chống bụi cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo thỏa thuận khung này. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về các tổn thất, thiệt hại xảy ra cho các công trình ở lân cận, liền kề nếu những tổn thất, thiệt hại này do nguyên nhân thi công gây ra. Trường hợp Bên B không thực hiện khắc phục thiệt hại, bồi thường thiệt hại thì Bên A có quyền tự mình hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện khắc phục, bồi thường thiệt

hai. Toàn bộ chi phí Bên A thay Bên B thực hiện sẽ được trừ vào giá trị thanh toán, quyết toán thỏa thuận khung.

- Bên B không được phép chuyển nhượng và thầu lại toàn bộ hoặc một phần của thỏa thuận khung này cho nhà thầu khác nếu không được sự đồng ý của Bên A.

#### **8. Quyền và trách nhiệm của Bên A**

- Giám sát kiểm tra đôn đốc và có quyền yêu cầu bên B sửa chữa những sai sót hoặc bổ sung, thay đổi những vấn đề không phù hợp với yêu cầu. Tạo điều kiện cho bên B hoàn thành công việc được giao, đảm bảo tiến độ đã thống nhất.

- Nhận đủ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán, thanh lý các tài liệu khác liên quan do bên B giao theo đúng quy định trong thỏa thuận khung.

- Bên A có quyền yêu cầu bên B điều chuyển hay thay thế bất kì nhân sự nào của bên B khi xét thấy các nhân sự này không đáp ứng được yêu cầu của công việc về trình độ chuyên môn, phạm vi các điều khoản của hợp đồng hay có thái độ bất hợp tác với bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng mà không cần phải chứng minh hoặc giải thích gì với bên B. Khi đó, bên B phải có trách nhiệm chấp hành và thực hiện ngay yêu cầu của bên A trong thời gian ngắn nhất có thể nhưng tối đa không quá 05 ngày sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên A.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên A có quyền yêu cầu bằng văn bản và bên B phải đáp ứng các việc sửa chữa hư hỏng sai sót như: đưa ra khỏi công trường bất cứ loại vật tư nào không tuân theo các yêu cầu trong thỏa thuận khung và thay thế bằng loại phù hợp. Dỡ bỏ và làm lại cho đúng bất cứ phần việc nào chưa đáp ứng được yêu cầu kĩ thuật và chất lượng (toàn bộ chi phí sẽ do bên B chịu).

- Bên A hoặc giám sát thi công của bên B có quyền đình chỉ thi công, khi phát hiện bên B thực hiện thi công không đúng yêu cầu, không nghiệm thu các phần việc không đạt yêu cầu kĩ thuật, chất lượng hoặc sai quy cách, chất lượng vật liệu hoặc nhân công không đáp ứng yêu cầu. trong trường hợp bên B vi phạm các điều kiện này thì bên B sẽ bồi thường cho bên A căn cứ vào từng trường hợp vi phạm, và mức bồi thường theo sự thỏa thuận của 2 bên.

- Có trách nhiệm cung cấp và chịu trách nhiệm về bản vẽ thi công (nếu có) do bên A cung cấp.

- Cung cấp các loại vật tư chính: là vật tư (thép hình/thép tấm; gạch chịu lửa, vữa xây gạch, bê tông chịu lửa; neo thép, que hàn Inox, gỗ dán) do Bên mời thầu cung cấp cho Nhà thầu để thực hiện dịch vụ.

- Cung cấp điện, nước, khí nén phục vụ thi công

- Bên A cung cấp Máy phá gạch để Bên B thực hiện (*trường hợp máy phá gạch Bên A hư hỏng Bên B có trách nhiệm cung cấp máy phá gạch để thực hiện nội dung công việc*).

- Có trách nhiệm vận chuyển gạch cũ, bê tông cũ, cola, rác thải trong quá trình thi công từ cốt 0.00 đến nơi qui định của nhà máy.

- Cùng bên B thông nhất quyết toán cho từng phần việc cụ thể.

### 9. Xử lý do vi phạm thỏa thuận khung

Bên B vi phạm về chất lượng dịch vụ thì Bên B phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần dịch vụ vi phạm chất lượng và sẽ được khấu trừ khi thanh toán, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% tổng giá trị phần vi phạm.

Ngoài ra trong trường hợp do lỗi của Nhà thầu trong quá trình thực hiện công việc cho Bên mời thầu gây hư hỏng cho thiết bị, máy móc của Bên mời thầu thì ngoài việc chịu phạt như trên Nhà thầu còn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu chi phí khắc phục, sửa chữa.

Nếu bên A chậm thanh toán quá 10 ngày, Bên B có quyền gửi giấy yêu cầu thanh toán và đòi tiền phạt với mức phạt là 0,1% giá trị thanh toán chậm cho mỗi ngày thanh toán chậm, nhưng tối đa không quá 8% giá trị thanh toán chậm. Bên A có trách nhiệm trả phần tiền chậm thanh toán và tiền phạt trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được giấy yêu cầu thanh toán và đòi tiền phạt.

Nếu một bên đơn phương hủy bỏ thỏa thuận khung mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương hủy hợp đồng hoặc không có sự thỏa thuận bằng văn bản của bên kia thì phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng giá trị hợp đồng.

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về các sai sót hoặc chậm trễ của Nhà thầu về việc thực hiện nghĩa vụ đã cam kết trong thỏa thuận khung này mà Nhà thầu không có biện pháp khắc phục hoặc trong trường hợp Nhà thầu bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận khung.

### 10. Trao đổi thông tin

Đại diện liên lạc của Bên A	Đại diện liên lạc của Bên B
Họ tên:	Họ tên:
Chức vụ:	Chức vụ:
Email:	Số điện thoại:
Số điện thoại:	Địa chỉ:
Địa chỉ:	

Bất kỳ thông báo hoặc trao đổi nào khác được cung cấp bởi bất kỳ Bên nào cho Bên còn lại theo thỏa thuận khung này phải bằng văn bản và sẽ có hiệu lực khi giao trực tiếp, hoặc khi được gửi bằng thư được xác nhận hoặc được đăng ký, hoặc được chấp nhận chung bằng dịch vụ chuyển phát nhanh thương mại cùng với hóa đơn vận chuyển, hoặc qua thư điện tử, theo các địa chỉ liên hệ như sau của Bên còn lại (hoặc các địa chỉ liên hệ khác được Bên còn lại thông báo riêng bằng văn bản).

### 11. Bất khả kháng

- Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện thỏa thuận khung, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi

vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện thỏa thuận khung hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận khung.

- Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ thỏa thuận khung, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của thỏa thuận khung này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi thỏa thuận khung chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

- Trong thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện thỏa thuận khung là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

- Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

- Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo thỏa thuận khung này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **12. Giải quyết tranh chấp**

“Tranh chấp” là bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại, bất đồng, khác biệt thuộc bất kỳ loại nào giữa các Bên phát sinh từ hoặc liên quan đến thỏa thuận khung này.

Một Bên phải thông báo cho Bên kia về sự tồn tại và các chi tiết của tranh chấp nếu có phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến thỏa thuận khung này.

Trong trường hợp có tranh chấp nảy sinh, các Bên phải nỗ lực và thiện chí để giải quyết tranh chấp trước hết qua con đường thương lượng nội bộ giữa các Bên. Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết được qua thương lượng thì một Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Quảng Ninh.

Hai Bên thỏa thuận rằng Bên vi phạm có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ tổn thất, thiệt hại, chi phí phát sinh mà Bên bị vi phạm phải chịu liên quan đến việc giải quyết vi phạm, tranh chấp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các chi phí như phí luật sư, chi phí hành chính, chi phí hợp thương lượng để giải quyết tranh chấp, các chi phí phát sinh khác,...

### **13. Bảo mật**

Thỏa thuận khung này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến thỏa thuận khung sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, bên B không được phép tiết lộ bất cứ thông tin nào có liên quan đến nội dung công việc mà bên B được giao.

Bên B không được phép chuyển giao bất cứ tài liệu nào có liên quan đến hợp đồng này cho bất cứ một bên thứ 3 nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên A, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **14. Điều khoản chung**

Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ngôn ngữ sử dụng cho thỏa thuận khung là tiếng Việt.

Mọi sửa đổi và bổ sung cho thỏa thuận khung này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ người có thẩm quyền của hai bên. Bản sửa đổi bổ sung này sẽ được coi là một phần không tách rời của thỏa thuận khung và có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

Nếu bất kỳ quy định nào của thỏa thuận khung bị tuyên bố vô hiệu hoặc không thể thi hành thì quy định đó sẽ không làm vô hiệu bất kỳ quy định còn lại nào của thỏa thuận khung. Các Bên sẽ thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để thay thế quy định đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành trong đó thể hiện được ý định của Các Bên theo thỏa thuận khung trong phạm vi tối đa có thể.

Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm các điều khoản quy định trong Thỏa thuận khung.

Thỏa thuận khung này sẽ kết thúc khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình quy định trong Thỏa thuận khung và hai bên ký vào Biên bản thanh lý Thỏa thuận khung.

Thỏa thuận khung được lập thành bốn (04) bản, Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

## Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

### 1. Phương thức thanh toán:

Thanh toán theo các đợt sửa chữa, từng đợt thực hiện thanh toán cụ thể như sau:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.
- Thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt sửa chữa bằng chuyển khoản trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán gồm:
  - + Công văn đề nghị thanh toán;
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;
  - + Hồ sơ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành từng đợt theo mẫu Bên A;
  - + Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán từng đợt;
- Bảo lãnh bảo hành (hình thức: thư bảo lãnh của ngân hàng; giá trị: bằng 2% tổng giá trị quyết toán; thời hạn: Thời hạn tối thiểu **07 tháng** kể từ ngày phát hành (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng).
- Thanh lý hợp đồng (đối với đợt nghiệm thu cuối cùng).

### 2. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó tổng tiến độ thực hiện là 270 ngày cụ thể:

- Tiến độ sửa chữa lần 1 là: 18 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý I/2026).
- Tiến độ sửa chữa lần 2 là: 9 ngày kể từ ngày dừng Lò nung và thông báo Nhà thầu thực hiện sửa chữa (dự kiến quý III/2026).
- Cộng thêm 30 ngày nghiệm thu.

### 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **2%** giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực tối thiểu bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm **30 ngày** kể từ ngày mở bảo đảm.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành

### 4. Bảo hành

- Mỗi đợt sửa chữa Bên B bảo hành dịch vụ như sau:
  - Bảo hành: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
  - Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 02% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 07 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng).
  - Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo

yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hạng mục công việc sửa chữa.

- Thời gian có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật: không chậm hơn 24 tiếng đơn vị bảo hành phải có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật. Thời gian được tính kể từ khi đơn vị sử dụng hoặc cơ quan quản lý sử dụng thông báo sự cố bằng Fax, email, điện thoại cho nhà thầu (nhà thầu cung cấp địa chỉ liên lạc).

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.